

Bản án số: 953/2026/HS-PT
Ngày 30-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Trương Văn Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 768/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T, bị hại Phan Thị Thùy T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 249/2026/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị Xuân H (tên gọi khác là H1), sinh ngày 30/5/1976, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); CCCD số: 074176002735; nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị P, sinh năm 1940; bị cáo có chồng tên Vũ Đức V, sinh năm 1974 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được cho tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Đoàn Thị T, sinh ngày 20/02/1990, tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); CCCD số: 074190002081; nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hồng X, sinh năm 1958 và bà Đồng Thị B, sinh năm 1972; bị cáo có chồng tên Trần Anh D, sinh năm

1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được cho tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Đặng Phước Hoàng M - Luật sư Văn phòng L - Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Phan Thị Thùy T1, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T là chị em quen biết với nhau. Nguyễn Thị Xuân H và Phan Thị Thùy T1 là bạn bè quen biết ngoài xã hội.

Quá trình quen biết, ngày 31/8/2019, T1 có mượn H 20.000.000 đồng, do H không có tiền nên đã nói T cho T1 mượn 20.000.000 đồng, trả góp theo ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng trong vòng 23 ngày, T1 trả tiền cho T đến ngày 04/9/2019 thì ngưng trả. Do đến hạn trả góp nhưng T1 trốn tránh không chịu trả tiền, nên khoảng 17 giờ ngày 06/9/2019, T rủ H đi tìm T1 để đòi nợ thì H đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 61N1-037.44 chở H đến cửa hàng bán quần áo của T1 trong khu vực chợ T2 thuộc khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng không gặp T1 nên cả hai đi về. Trên đường về, H và T thấy T1 đang ở trong quán bún riêu thuộc khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đến gặp T1 để đòi nợ thì T1 hứa sẽ trả sau nhưng T không đồng ý. H và T yêu cầu T1 đi cầm cố xe mô tô lấy tiền trả cho T thì T1 không đồng ý, T tiếp tục yêu cầu T1 đưa xe mô tô biển số 60F1-357.87, nhãn hiệu Lead, màu vàng xám cho T giữ đến khi nào T1 mang tiền đến trả nợ thì T sẽ trả lại xe mô tô cho T1 nhưng T1 vẫn không đồng ý và hai bên xảy ra cự cãi, giằng co qua lại.

Sau đó, H đã cắn vào cổ tay phải của T1, rồi dùng tay giật lấy chìa khóa xe mô tô trên tay của T1 đưa cho T. T lấy chìa khóa xe mở cốp xe mô tô của T1, lấy đồ đạc trong cốp xe của T1 bỏ xuống đường và T điều khiển xe mô tô của T1 chạy về nhà ở xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau đó, T1 đến Công an phường U (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo nội dung như trên. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường đã tiến hành mời T1, H, T lên làm việc. Qua làm việc, T, H thừa nhận hành vi lấy xe mô tô biển số 60F1-357.87 của T1 khi không được sự đồng ý của T1.

Công an phường U (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) tạm giữ: 01 xe mô tô 60F1-357.87 và xe mô tô 61N1-037.44 do Đoàn Thị Tâm giao N.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường U (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành bàn giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (Nay là Công an Thành phố H) giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 284/KLTS-TTHS ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T xác định giá trị của xe mô tô biển số 60F1-357.87 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 324 ngày 25/6/2025 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B đối với Phan Thị Thùy T1 kết luận:

1. Các kết quả chính: 03 vết thương xước da vùng cổ - mu bàn tay phải (0,5 x 0,1)cm; (0,8 x 0,1)cm và (1,2 x 0,1)cm, đã lành, còn rối loạn sắc tố da.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Phan Thị Thùy T1 tại thời điểm giám định là: 01% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Cơ chế hình thành thương tích: 03 vết thương xước da vùng cổ - mu bàn tay phải: các vết sẹo có bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày có cạnh gây ra.

Xe mô tô biển số 60F1-357.87, nhãn hiệu HONDA LEAD, màu vàng - đen, số máy: 0135631, số khung: 524479, do bà Đặng Thị Thanh H2 đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, bà H2 xác nhận đã bán xe mô tô cho bà Phan Thị Thùy T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô 60F1-357.87 cho bà Phan Thị Thùy T1.

Xe mô tô biển số 61N1-037.44, nhãn hiệu HONDA VISION màu đen, số máy: JF58E0808990, số khung: 5809EY808926 do bị cáo Đoàn Thị T đứng tên chủ sở hữu.

Về vấn đề dân sự: Bị hại Phan Thị Thùy T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 564.000.000 đồng, gồm: Tiền tổn thất về tinh thần và mất thu nhập.

- Ngày 24/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ban hành Cáo trạng số 128/CT-VKSTU đã truy tố các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Xuân H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

- Xét thấy, việc khởi tố, điều tra, truy tố đối với vụ án nêu trên có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Ngày 09/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 19/2025/HSST-QĐ.

- Sau khi bổ sung các tài liệu, khắc phục một số vi phạm. Ngày 10/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Cáo trạng số 13/CT-VKSKV17 truy tố các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Xuân H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

- Xét thấy, việc khởi tố, điều tra, truy tố đối với vụ án nêu trên có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Còn thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong các vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Ngày 09/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 39/2025/HSST-QĐ.

- Ngày 08/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 14/CV-VKSKV17 về việc chuyển hồ sơ vụ án hình sự sang Tòa án để xét xử.

- Ngày 11 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 19/CV-VKSKV17 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Ngày 12/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 22/2026/HSST-QĐ

Tại Cáo trạng số 86A/CT-VKSHCM-KV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Xuân H phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2026/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 275, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Xuân H bồi thường cho bị hại Phan Thị Thùy T1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Thị T bồi thường cho bị hại Phan Thị Thùy T1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0010923 ngày 04/12/2026 của bị cáo Nguyễn Thị Xuân H tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0010924 ngày 04/12/2026 của bị cáo Đoàn Thị T tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, hủy bản án.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, bị hại Phan Thị Thùy T1 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị hại Phan Thị Thùy T1 kháng cáo đề nghị các bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, thu nhập bị mất cho bị hại số tiền 606.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ việc dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích muốn chiếm đoạt tài sản để buộc bị hại phải trả nợ cho các bị cáo nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án do mức án quá nghiêm khắc nhưng các bị cáo không cung cấp được chứng cứ về tình tiết mới nào khác theo quy định nên kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 606.000.000 đồng tổn thất tinh thần và thiệt hại do không buôn bán được, thu nhập bị mất. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ xem xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T, bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2026/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa

nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

** Người bào chữa cho các bị cáo tranh luận:* Hành vi của các bị cáo xuất phát từ nguyên nhân bị hại mượn tiền không trả nên các bị cáo giữ xe để trừ nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã trả lại cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

** Các bị cáo không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại được thực hiện trong thời hạn nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 06/9/2019, tại khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), xuất phát từ việc bị hại Phan Thị Thùy T1 có nợ tiền của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T, các bị cáo đã nhiều lần đòi lại nhưng bị hại T1 hứa hẹn mà không trả, để buộc bị hại T1 trả lại tiền, các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực bằng cách giằng co và cắn vào tay của bị hại Phan Thị Thùy T1 để lấy chìa khóa xe và chiếm đoạt xe mô tô biển số 60F1-357.87 của bị hại Phan Thị Thùy T1 đem về nhà cất giữ. Theo kết quả định giá xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt, xe mô tô biển số 60F1-357.87 có giá trị là 17.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã trả lại cho bị hại; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do xuất phát từ nguyên nhân bị hại vay tiền nhưng không trả; bị cáo H có 03 con cần chăm sóc, nuôi dưỡng; bị cáo T có 02 con nhỏ, có ông ngoại là người có công với cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là nghiêm khắc; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 606.000.000 đồng là tiền tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và thu nhập thực tế bị mất nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Về tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: căn cứ Điều 592 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương đương $2.530.000 \text{ đồng} \times 10 = 25.300.000 \text{ đồng}$. Quá trình giải quyết vụ án, do giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường, nên các bị cáo H và T đã tự nguyện bồi thường mỗi bị cáo 25.000.000 đồng cho bị hại, tổng cộng 50.000.000 đồng. Bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên không chấp nhận. Tuy nhiên, do các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về phần án phí dân sự sơ thẩm: Tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“Trường hợp bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp”*. Do các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 25.000.000 đồng) nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (số tiền 1.250.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên).

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo, bị hại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị Thùy T1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2026/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt và án phí dân sự sơ thẩm, như sau:

1.1 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân H 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

1.2 Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 275, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T bồi thường cho bị hại Phan Thị Thùy T1 với số tiền mỗi bị cáo 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền trên tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo các Biên lai thu tiền số 0010923 ngày 04/12/2026 và Biên lai thu tiền số 0010924 ngày 04/12/2026. Thi hành án dân sự Thành phố H có trách nhiệm chi trả số tiền này cho bị hại Phan Thị Thùy T1 theo quy định pháp luật.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2.1 Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Đoàn Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo không phải nộp.

2.3 Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và Đoàn Thị T, bị hại Phan Thị Thùy T1 không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- TAND khu vực 17 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 17 - TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng THADS khu vực 17 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25. (54)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Đức